

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 148/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 9 -2024

V/vl: “ Tranh chấp ly hôn ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số A, Tổ E, Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số A, Tổ F, Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P và anh P1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P1 chung sống với nhau từ năm 2004 đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P do cả hai cùng tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2023 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc

sống vợ chồng căng thẳng. Đồng thời anh P1 thường xuyên ăn nhậu say xỉn và kiếm chuyện đánh đập chị. Chị và anh P1 đã tự sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 01 năm 2023 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P1.

Về con chung: Có 02 con chung .

1/ Cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/02/2008.

2/ Cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/10/2016.

Sau ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc T, anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Chị và anh P1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn P1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2009. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng không giải quyết được, anh không còn tình cảm với chị P nên chị P yêu cầu ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Có 02 con chung:

1/ Cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/02/2008.

2/ Cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/10/2016.

Nếu ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc T. Anh và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh P1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị P và anh P1. Giao cháu Q cho anh P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu T giao cho P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh P1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai số 26, quyển số 01 ngày 19/02/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị P yêu cầu xin ly hôn anh P1 vì tình cảm vợ chồng không còn, anh P1 cũng đồng ý ly hôn với chị P.

Xét thấy, căn cứ vào lời khai và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị P và anh P1 đều thừa nhận vợ chồng anh chị không còn tình cảm với nhau, cả hai không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn P1.

[3] Về con chung: Chị P và anh P1 có 02 con chung, anh chị đều thống nhất yêu cầu nếu ly hôn anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/02/2008, chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/10/2016. Cháu Q và cháu T hiện nay đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu Q có nguyện vọng được sống với anh P1, ý kiến của cháu T có nguyện vọng được sống với chị P. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Văn Q cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị P và anh P1 nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P, xử cho chị P được ly hôn anh Nguyễn Văn P1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/02/2008 cho anh Nguyễn Văn P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/10/2016 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời chị P, anh P1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P và anh P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015544 ngày 05/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn P1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận : T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND T. Đồng Nai. **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-VKSND H. Long Thành.

-THA H. Long Thành.

- UBND nơi đăng ký kết hôn.

- Các đương sự.

-Lưu.

Nguyễn Thị Kim Liên

